

Số: 04 /VH-TC
V/v công bố thông tin

Hà nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : Công ty CP Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari
- Mã chứng khoán: DVH
- Địa chỉ: Tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP.Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: (+84) 4 38823292 Fax: (+84) 4 38823291
- E-mail: vihem@vihem.com.vn

2. Người thực hiện công bố thông tin :Ngô Thế Giang

3. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần chế tạo máy điện Việt nam- Hungari được lập ngày 8 tháng 03 năm 2019 bao gồm : Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<http://www.vihem.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT, Thư ký HĐQT, TC.



Ngô Thúc Giang

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 34

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari ("Công ty") tiền thân là công ty Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari thành lập ngày 4 tháng 12 năm 1978. Sau đó công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 3216/QĐ – BCN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Ngô Thế Giang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quang Tâm	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2019
Ông Đỗ Văn Chính	Phó tổng Giám đốc	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Lan Phương	Trưởng ban
Bà Trần Phương Nhung	Thành viên
Ông Lê Xuân Nguyên	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Quốc Bảo, Tổng giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính.

Vào ngày 8 tháng 10 năm 2018, các cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 98-NQ/VH-ĐHĐCĐ về việc sáp nhập Công ty vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội. Theo đó, Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được kế thừa toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ đối với các tài sản và nợ của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành sáp nhập. Sau khi hoàn thành việc sáp nhập, Công ty sẽ chấm dứt sự tồn tại. Do đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở hoạt động không liên tục như được trình bày tại Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính này.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như các quy định về việc lập báo cáo tài chính khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như được trình bày tại Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính.



Bùi Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHẾ TẠO
MÁY ĐIỆN
VIỆT NAM
-
HUNGARI**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY
ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI,
L=Đồng Anh, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY
ĐIỆN VIỆT NAM -
HUNGARI,
OID.0.9.2342.1.9200300.100,
1.1=MST:0100101925
Reason: I am the author of
this document
Location: Chế tạo động cơ,
motor điện, quạt công nghiệp
tại Đồng Anh, Hà Nội, Việt
Nam 024 38823204 -
vnhm@vnhm.com.vn
Date: 2019-03-14 09:25:02
Foxit Reader Version: 9.3.0

Số tham chiếu: 61441292/20416503

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari ("Công ty") được lập ngày 8 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như các quy định về việc lập báo cáo tài chính khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") như được trình bày tại Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như các quy định về việc lập báo cáo tài chính khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư 200 như được trình bày tại Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính trong đó trình bày các chính sách kế toán trên cơ sở việc lập báo cáo tài chính khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Ngoài ra, như được trình bày ở Thuyết minh số 2.1, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sáp nhập vào công ty mẹ là Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội. Do đó, việc áp dụng giả định hoạt động liên tục để lập báo cáo tài chính là không phù hợp và Công ty đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 31 tháng 1 năm 2018.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1



Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN		155.602.563.206	137.370.338.000
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	6.715.905.258	7.854.567.730
111	1. Tiền		6.715.905.258	2.854.567.730
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính		18.443.756.354	20.353.958.333
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	15.000.000.000	15.000.000.000
122	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	3.443.756.354	3.213.958.333
124	3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.3	-	2.040.000.000
125	4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	100.000.000
130	III. Các khoản phải thu		53.026.028.598	37.482.952.269
131	1. Phải thu của khách hàng	6	46.836.513.452	26.498.385.000
132	2. Trả trước cho người bán		84.272.080	4.782.230.827
137	3. Phải thu khác	7	6.105.243.066	6.202.336.442
140	IV. Hàng tồn kho	8	51.466.374.829	58.244.881.635
141	1. Hàng tồn kho		51.466.374.829	58.244.881.635
150	V. Tài sản cố định	9	24.367.891.947	12.005.723.922
151	1. Tài sản cố định hữu hình		24.367.891.947	12.005.723.922
170	VI. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		371.324.341	516.972.232
171	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		371.324.341	516.972.232
180	VII. Tài sản khác		1.211.281.879	911.281.879
183	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	911.281.879	911.281.879
185	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.3	300.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		155.602.563.206	137.370.338.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.363.587.843	34.961.370.760
311	1. Phải trả người bán	10.1	10.999.240.530	6.799.265.047
312	2. Người mua trả tiền trước	10.2	2.539.176.127	1.483.383.742
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.297.067.955	759.595.947
314	4. Phải trả người lao động		190.582.181	505.733.281
315	5. Chi phí phải trả		1.191.174.152	2.094.017.732
319	6. Phải trả khác	12	2.740.632.898	2.999.805.415
320	7. Vay	13	12.405.714.000	20.170.596.691
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	148.972.905
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		124.238.975.363	102.408.967.240
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	123.985.642.027	101.522.044.026
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		110.000.000.000	110.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.316.500.000	11.316.500.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.018.312.075	9.018.312.075
421	4. Lỗ lũy kế		(6.349.170.048)	(28.812.768.049)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(28.812.768.049)	(51.054.575.895)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		22.463.598.001	22.241.807.846
430	II. Nguồn kinh phí		253.333.336	886.923.214
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		253.333.336	886.923.214
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		155.602.563.206	137.370.338.000



Nguyễn Thị Thúy Huyền
Người lập



Ngô Thế Giang
Kế toán trưởng



Bùi Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	191.602.208.604	137.625.203.124
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1	(1.357.780.648)	(1.920.302.225)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	190.244.427.956	135.704.900.899
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	16	(151.025.578.838)	(92.202.826.523)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.218.849.118	43.502.074.376
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	2.516.300.685	997.525.267
22	7. Chi phí tài chính	17	(1.475.217.886)	(3.058.228.307)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.475.217.886)	(3.058.228.307)
25	8. Chi phí bán hàng	18	(4.835.513.236)	(7.063.561.655)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(13.957.366.134)	(12.360.738.205)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.467.052.547	22.017.071.476
31	11. Thu nhập khác		696.545.454	224.736.370
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		696.545.454	224.736.370
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.163.598.001	22.241.807.846
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	20.3	300.000.000	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		22.463.598.001	22.241.807.846
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.042	3.009
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	2.042	3.009



Nguyễn Thị Thúy Huyền
Người lập



Ngô Thế Giang
Kế toán trưởng



Bùi Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ khách hàng		186.559.316.249	134.006.626.289
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(129.650.269.825)	(120.751.869.241)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(27.048.310.820)	(23.418.393.808)
04	Tiền lãi vay đã trả		(2.147.383.608)	(3.825.104.660)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.274.745.200	3.566.451.039
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.440.869.467)	(13.124.465.408)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		10.547.227.729	(23.546.755.789)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(9.148.217.424)	(8.763.472.232)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		696.363.636	56.363.636
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(18.213.958.333)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		270.000.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.540.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.716.330.569	997.525.267
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.925.523.219)	(25.923.541.662)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	76.403.500.000
33	Tiền thu từ đi vay		88.226.995.854	74.899.229.826
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(95.991.878.545)	(95.096.129.992)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(7.764.882.691)	56.206.599.834

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.143.178.181)	6.736.302.383
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.854.567.730	1.118.265.347
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.515.709	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	6.715.905.258	7.854.567.730



Nguyễn Thị Thúy Huyền
Người lập



Ngô Thế Giang
Kế toán trưởng



Bùi Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari ("Công ty") tiền thân là công ty Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari thành lập ngày 4 tháng 12 năm 1978. Sau đó công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 3216/QĐ – BCN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

Công ty có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 236 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 239).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Áp dụng cơ sở không hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính*

Vào ngày 8 tháng 10 năm 2018, các cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 98-NQ/VH-ĐHĐCĐ về việc sáp nhập Công ty vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội. Theo đó, Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được kế thừa toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ đối với các tài sản và nợ của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành sáp nhập. Sau khi hoàn thành việc sáp nhập, Công ty sẽ chấm dứt sự tồn tại và không tiếp tục hoạt động kinh doanh trong tương lai. Do đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo phương pháp kế toán trên cơ sở không hoạt động liên tục như được trình bày tại Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính.

Theo phương pháp kế toán trên cơ sở không hoạt động liên tục, tài sản được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá ghi sổ và giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính và các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá trị phải thanh toán ước tính. Do Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội sẽ kế thừa toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ đối với các tài sản và nợ của Công ty theo giá trị sổ sách, do đó, tài sản và các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá trị sổ sách trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty cũng áp dụng các quy định về việc lập báo cáo tài chính khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") (xem chi tiết ở Thuyết minh số 3.1).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Thông tin so sánh*

Các thông tin trong báo cáo tài chính năm nay là không so sánh được với các dữ liệu tương ứng của năm trước do năm 2017 Công ty trình bày báo cáo tài chính theo nguyên tắc của doanh nghiệp hoạt động liên tục. Năm 2018, Công ty đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để sáp nhập vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội theo quyết định của Đại hội cổ đông bất thường vào ngày 8 tháng 10 năm 2018 như được trình bày tại Thuyết minh 2.1 nên Công ty trình bày báo cáo tài chính theo nguyên tắc của doanh nghiệp không hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Cơ sở ước tính giá trị và trình bày tài sản và nợ phải trả tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm*

Theo phương pháp kế toán khi Công ty không đáp ứng giả định hoạt động liên tục như được hướng dẫn tại Thông tư 200, và trình bày tại Thuyết minh số 2.1, Công ty xác định giá trị hợp lý của từng loại tài sản và nợ phải trả theo giá trị sổ sách.

Công ty áp dụng cách trình bày như sau tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

- ▶ Tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn được phân loại thành tài sản ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn;
- ▶ Việc trích lập dự phòng hoặc đánh giá tổn thất tài sản được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản; và
- ▶ Việc tính khấu hao hoặc ghi nhận tổn thất của tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	11 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	127.965.428	332.987.808
Tiền gửi ngân hàng	6.587.939.830	2.521.579.922
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	6.715.905.258	7.854.567.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh:					
- Trái phiếu (i)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Tổ chức phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	15.000.000.000	Kỳ hạn 2 năm, đáo hạn ngày 21 tháng 2 năm 2019. Lãi thanh toán 6 tháng 1 lần	9,5%	Tin chấp

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.443.756.354	3.443.756.354	-	3.213.958.333	3.213.958.333
TỔNG CỘNG	3.443.756.354	3.443.756.354	-	3.213.958.333	3.213.958.333

(i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, hưởng lãi suất 6,5%/năm và đáo hạn ngày 30 tháng 9 năm 2019. Khoản đầu tư này được thể chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam như trình bày trong Thuyết minh số 13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1 (***)	-	-	-	-	34,00%	1.020.000.000	-	1.020.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2 (***)	-	-	-	-	34,00%	1.020.000.000	-	1.020.000.000
TỔNG CỘNG		-	-	-		2.040.000.000	-	2.040.000.000

(*) Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo giá trị ghi sổ.

(**) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi các công ty liên kết này theo Nghị quyết số 112/VH-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 10 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	9.533.105.284	-
Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	8.883.334.850	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	2.622.071.843	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Kinh Bắc	2.231.903.848	1.670.640.655
Các khoản phải thu khách hàng khác	22.338.866.787	15.659.277.098
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	1.227.230.840	9.168.467.247
TỔNG CỘNG	46.836.513.452	26.498.385.000

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu cổ tức đã tạm ứng	2.656.355.000	2.656.355.000
Phải thu tiền thuê đất chi hộ	1.012.033.125	959.020.125
Phải thu khác	995.376.041	1.906.433.086
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	1.441.478.900	680.528.231
TỔNG CỘNG	6.105.243.066	6.202.336.442

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.125.059.305	-	22.412.295.210	-
Công cụ, dụng cụ	94.385.026	-	225.623.845	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.432.398.282	-	18.227.847.618	-
Thành phẩm	16.814.532.216	-	17.379.114.962	-
TỔNG CỘNG	51.466.374.829	-	58.244.881.635	-

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

B09/CDHĐ-DNKLT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:	Số đầu năm	18.662.980.173	43.770.986.080	7.358.999.236	762.361.961	70.555.327.450		
	- Mua trong năm	3.551.860.000	12.003.817.837	218.500.000	-	15.774.177.837		
	- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	350.080.214	-	-	350.080.214		
	- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.154.664.924)	-	-	(2.154.664.924)		
	Số cuối năm	22.214.840.173	53.970.219.207	7.577.499.236	762.361.961	84.524.920.577		
Trong đó:								
	Đã khấu hao hết	18.476.754.402	32.626.441.090	6.684.046.075	762.361.961	58.549.603.528		
Giá trị khấu hao lũy kế:	Số đầu năm	18.476.754.402	32.626.441.090	6.684.046.075	762.361.961	58.549.603.528		
	- Khấu hao trong năm	199.668.684	3.398.105.154	164.316.188	-	3.762.090.026		
	- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.154.664.924)	-	-	(2.154.664.924)		
	Số cuối năm	18.676.423.086	33.869.881.320	6.848.362.263	762.361.961	60.157.028.630		
Giá trị còn lại:	Số đầu năm	186.225.771	11.144.544.990	674.953.161	-	12.005.723.922		
	Số cuối năm	3.538.417.087	20.100.337.887	729.136.973	-	24.367.891.947		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

10.1 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Đơn vị tính: VND				
Phải trả người bán				
- Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Đức Phương Thành	2.140.724.174	2.140.724.174	2.138.861.773	2.138.861.773
- Công ty Cổ phần Gia Hưng	2.066.959.719	2.066.959.719	31.681.162	31.681.162
- Phải trả đối tượng khác	3.925.716.915	3.925.716.915	4.628.722.112	4.628.722.112
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	2.865.839.722	2.865.839.722	-	-
TỔNG CỘNG	10.999.240.530	10.999.240.530	6.799.265.047	6.799.265.047

10.2 Người mua trả tiền trước

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần TOMEKO An Khang	1.500.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	1.039.176.127	1.483.383.742
TỔNG CỘNG	2.539.176.127	1.483.383.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	740.039.223	5.686.585.661	(5.149.725.632)	1.276.899.252
Thuế thu nhập cá nhân	19.556.724	565.666.052	(565.054.073)	20.168.703
Các loại thuế khác	-	2.753.244.463	(2.753.244.463)	-
TỔNG CỘNG	759.595.947	9.005.496.176	(8.468.024.168)	1.297.067.955

Đơn vị tính: VND				
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	911.281.879	-	-	911.281.879
TỔNG CỘNG	911.281.879	-	-	911.281.879

12. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà nước kinh phí thực hiện Dự án	2.041.203.100	2.041.203.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	699.429.798	958.602.315
TỔNG CỘNG	2.740.632.898	2.999.805.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

13. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	trả nợ				Giá trị	trả nợ
Vay ngân hàng (i)	6.270.069.097	6.270.069.097	76.638.931.854	(77.509.000.951)	5.400.000.000	5.400.000.000	5.400.000.000
Vay từ đối tượng khác (ii)	13.587.127.852	13.587.127.852	10.538.064.000	(17.369.477.852)	6.755.714.000	6.755.714.000	6.755.714.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	313.399.742	313.399.742	1.050.000.000	(1.113.399.742)	250.000.000	250.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG	20.170.596.691	20.170.596.691	88.226.995.854	(95.991.878.545)	12.405.714.000	12.405.714.000	12.405.714.000

(i) Chi tiết các khoản vay từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	5.400.000.000	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đảo hạn ngày 17 tháng 5 năm 2019	6,8%	Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số 11.16/DVKH-TGCKH

TỔNG CỘNG

5.400.000.000

(ii) Chi tiết các vay từ đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	6.755.714.000	Kỳ hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Lãi trả cùng với gốc vay khi đáo hạn	5,4% - 7%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	6.755.714.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	43.500.000.000	1.413.000.000	9.018.312.075	(51.054.575.895)	2.876.736.180
- Tăng vốn	66.500.000.000	9.903.500.000	-	-	76.403.500.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	22.241.807.846	22.241.807.846
Số cuối năm	<u>110.000.000.000</u>	<u>11.316.500.000</u>	<u>9.018.312.075</u>	<u>(28.812.768.049)</u>	<u>101.522.044.026</u>
Năm nay					
Số đầu năm	110.000.000.000	11.316.500.000	9.018.312.075	(28.812.768.049)	101.522.044.026
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	22.463.598.001	22.463.598.001
Số cuối năm	<u>110.000.000.000</u>	<u>11.316.500.000</u>	<u>9.018.312.075</u>	<u>(6.349.170.048)</u>	<u>123.985.642.027</u>

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	71.907.000.000	-	71.907.000.000	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	-	71.907.000.000	-	71.907.000.000
Cổ đông khác	<u>38.093.000.000</u>	-	<u>38.093.000.000</u>	<u>38.093.000.000</u>	-	<u>38.093.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>110.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>110.000.000.000</u>	<u>110.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>110.000.000.000</u>

14.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	110.000.000.000	11.000.000	110.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	110.000.000.000	11.000.000	110.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	110.000.000.000	11.000.000	110.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	110.000.000.000	11.000.000	110.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	110.000.000.000	11.000.000	110.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết Sàn Giao dịch Chứng Khoán Upcom với mã chứng khoán là DVH.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	191.602.208.604	137.625.203.124
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu từ bán thành phẩm	129.172.369.123	112.161.262.139
Doanh thu từ bán hàng hóa	36.436.059.497	11.457.824.650
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.890.824.439	12.462.861.588
Doanh thu từ bán phế liệu	2.102.955.545	1.543.254.747
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.357.780.648	1.920.302.225
Chiết khấu thương mại	854.472.610	-
Hàng bán bị trả lại	503.308.038	1.920.302.225
Doanh thu thuần	190.244.427.956	135.704.900.899
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	127.814.588.475	110.240.959.914
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	36.436.059.497	11.457.824.650
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	23.890.824.439	12.462.861.588
Doanh thu khác	2.102.955.545	1.543.254.747
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	164.019.569.418	115.760.877.771
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21)	26.224.858.538	19.944.023.128

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, trái phiếu	1.897.584.976	818.125.267
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	400.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	214.200.000	179.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.515.709	-
TỔNG CỘNG	2.516.300.685	997.525.267

15.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	1.467.688.637	581.763.628
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	98.214.465.950	72.269.141.807
Giá vốn của hàng hóa đã bán	35.990.567.359	10.424.012.059
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.820.545.529	9.509.672.657
TỔNG CỘNG	151.025.578.838	92.202.826.523

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.475.217.886	3.058.228.307
TỔNG CỘNG	1.475.217.886	3.058.228.307

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	2.494.977.787	2.057.292.767
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	732.221.619	531.027.174
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.498.008	194.485.792
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	638.276.950	3.278.624.450
- Chi phí bán hàng khác	837.538.872	1.002.131.472
TỔNG CỘNG	4.835.513.236	7.063.561.655
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	7.173.061.140	6.022.216.703
- Thuế, phí và lệ phí	2.550.231.466	3.465.460.205
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.038.311.319	737.536.038
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.195.762.209	2.135.525.259
TỔNG CỘNG	13.957.366.134	12.360.738.205

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	121.284.366.325	87.403.695.023
Chi phí nhân công	31.180.516.194	25.757.105.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.762.090.026	2.307.353.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.776.619.973	9.319.413.388
Chi phí khác bằng tiền	5.454.833.608	6.271.637.037
TỔNG CỘNG	169.458.426.126	131.059.204.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(300.000.000)	-
TỔNG CỘNG	(300.000.000)	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.163.598.001	22.241.807.846
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.432.719.600	4.412.481.569
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	95.766.462	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(42.840.000)	(35.880.000)
Lỗi năm trước chuyển sang	(4.785.646.062)	(4.412.481.569)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN	(300.000.000)	-

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

20.3 Thuế TNDN hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lỗi thuế chuyển sang năm sau khi sáp nhập vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	300.000.000	-	300.000.000	-
	300.000.000	-		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			300.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có lỗ với giá trị là 6.401.113.557 VND (31 tháng 12 năm 2017: 28.829.343.867 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2018
2015	2020	58.859.237.589	(52.458.124.032)	-	6.401.113.557
TỔNG CỘNG		58.859.237.589	(52.458.124.032)	-	6.401.113.557

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Mua hàng hóa, dịch vụ Thanh toán tiền hàng	15.900.922.369 14.684.772.538	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Bên liên quan khác	Lãi chứng khoán kinh doanh	1.033.125.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty mẹ	Doanh thu bán động cơ, gia công	436.053.400	74.310.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT của Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng hóa Thu tiền bán hàng hóa	11.424.080.700 12.516.750.070	7.575.655.500 10.213.161.750
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	Công ty liên kết đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Doanh thu bán hàng hóa Mua vật tư	10.562.687.511 1.069.045.120	9.679.416.002 1.587.623.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	Công ty liên kết đến ngày đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Doanh thu bán hàng hóa	3.802.036.927	2.614.641.626
Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch HĐQT	Vay Trả gốc vay	400.000.000 526.423.841	800.000.000 3.200.000.000
Ông Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 1 năm 2019	Vay Trả gốc vay	650.000.000 527.091.803	85.600.000 150.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (31 tháng 12 năm 2017: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Bên liên quan khác	Chứng khoán kinh doanh	15.000.000.000	15.000.000.000
			15.000.000.000	15.000.000.000
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	355.794.340	81.741.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT Công ty mẹ	Bán hàng hóa	871.436.500	821.697.800
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	Công ty liên kết đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Bán hàng hóa	-	6.505.794.146
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	Công ty liên kết đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Bán hàng hóa	-	1.759.234.301
			1.227.230.840	9.168.467.247
Phải thu khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT của Công ty mẹ	Vay mượn vật tư	906.500.000	236.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty mẹ	Vay mượn vật tư	12.478.900	13.069.896
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Bên liên quan khác	Lãi trái phiếu	522.500.000	431.458.335
			1.441.478.900	680.528.231
Phải trả người bán (Thuyết minh số 10.1)				
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ cấp I	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.865.839.722	-
			2.865.839.722	-

Vay (Thuyết minh số 13)

Các khoản vay tín chấp từ bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn
Ông Lê Huy	Phó Tổng giám đốc đến ngày 1 tháng 1 năm 2019	250.000.000	7%	Tháng 8 năm 2019
TỔNG CỘNG		250.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	2.637.887.800	2.296.339.000
TỔNG CỘNG	2.637.887.800	2.296.339.000

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.463.598.001	22.241.807.846
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.463.598.001	22.241.807.846
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.000.000	7.392.603
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.000.000	7.392.603
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	2.042	3.009
- Lãi suy giảm	2.042	3.009

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

23. CÁC CAM KẾT

Cam kết đi thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất từ Nhà nước theo hợp đồng số 529/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ.
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo
hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.357.022.828	2.357.022.828
Trên 1 - 5 năm	9.428.091.312	9.428.091.312
Trên 5 năm	16.499.159.796	18.856.182.624
TỔNG CỘNG	28.284.273.936	30.641.296.764

24. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ: đô la Mỹ	12.032	238,91

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều
chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Thúy Huyền
Người lập



Ngô Thế Giang
Kế toán trưởng



Bùi Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ
TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT
NAM - HUNGARI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM -
HUNGARI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Đông Anh, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY
ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100101925
Reason: I am the author of this document
Location: Chế tạo động cơ, motor điện, quạt công nghiệp tại Đông Anh, Hà Nội,
Việt Nam 024 38823204 - vihem@vihem.com.vn
Date: 2019-03-14 09:45:48
Foxit Reader Version: 9.3.0